TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hiểu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Xuân Kim**;

Bà **Nguyễn Thị Luận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, TP. H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, TP. H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Gia Ánh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 552/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1985. Có mặt

Nơi ĐKHKTT: Đội 2, thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: thôn Dương Kệ, xã Trần Phú, huyện M, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978. Vắng mặt

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Đội 2, thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/9/2008 tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị chung sống tại thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố H. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Trong khoảng thời gian năm 2019 đến năm 2020, anh chị đã sống ly thân. Tháng 5/2019, chị N nộp Đơn ly hôn anh T tại Toà án nhân dân huyện M, sau đó do muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để các con có gia đình trọn vẹn nên ngày 09/8/2019, chị đã rút Đơn ly hôn để tạo điều kiện cho anh T thay đổi. Tuy nhiên, thời gian sau đó tình trạng mâu thuẫn không cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng làm chị mệt mỏi cả thể chất và tinh thần. Đầu năm 2021 chị đã đưa cả ba con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Dương Kệ, xã Trần Phú, huyện M, TP. H ở từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh T không liên lạc, không hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là: Hoàng Trương Nam K sinh ngày 07/05/2009, Hoàng Trương Vân K sinh ngày 25/05/2012, Hoàng Tống Quang K sinh ngày 10/04/2021. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở với chị. Cháu NK và cháu VK đang học trường tiểu học T thuộc xã T, huyện M.

Trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung và đề nghị anh T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/tháng. Hiện nay chị đang làm nhân viên tại Trường tiểu học Hồng Phong với mức thu nhập là 3.200.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ngày 11/11/2022 anh Hoàng Văn T đã đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi được Tòa án thông báo nội dung Thông báo thụ lý số 552/TB-TLVA ngày 09/11/2022 anh T thể hiện thái độ không hợp tác làm việc, không N cũng như không ký bất cứ tài liệu nào của Tòa án, không viết Bản tự khai thể hiện ý kiến giải quyết vụ án và tự ý bỏ về. Anh Hoàng Văn T cũng không N các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tống đạt theo quy định đến nơi cư trú của anh T, không có ý kiến gửi đến Tòa án theo quy định.

*** Xác minh tại UBND xã Đ:** Anh Hoàng Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố H. Chị Trương Thị N là vợ anh T, do mâu thuẫn gia đình mà chị N đã mang các con chung bỏ đi và sống ly thân với anh T. Anh Hoàng Văn T làm nghề thợ xây, thường xuyên đi làm từ sáng sớm và tối mới về nhà.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của các con chung trên 07 tuổi thể hiện lúc đầu cháu Hoàng Trương Vân K và cháu Hoàng Trương Nam K đều có Đơn nguyện vọng xin ở với bố nhưng sau đó cả hai cháu đều xin ở với mẹ là chị Trương Thị N do các cháu đang sống cùng mẹ và đang học tại trường học trên địa bàn xã T, huyện M, thành phố H nơi các cháu đang cư trú.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T. Về con chung: chị N đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung sau khi ly hôn; rút yêu cầu về cấp dưỡng đã đề nghị trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị N xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi ba con chung. Về tài sản chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

N ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử N thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị N có Đơn khởi kiện đối với anh Hoàng Văn T về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đ, huyện M, thành phố H, nên Tòa án nhân dân huyện M, TP. H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn anh Hoàng Văn T: Anh T đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện M, Thành phố H, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T: Chị N xác định vợ chồng nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về điều kiện kinh tế của vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ nhiều năm nay. Năm 2019, chị N đã có Đơn ly hôn anh T nhưng sau đó do chị suy nghĩ lại, mong muốn các con có gia đình trọn vẹn nên chị đã cho anh T cơ hội thay đổi nên chị đã rút Đơn ly hôn, nhưng thời gian sau đó tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, do đó, đầu năm 2021 chị đưa cả ba con chung về nhà bố mẹ đẻ ở xã Trần Phú, huyện M để học tập và sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/11/2022 anh T đã lên Tòa án làm việc, đã được Tòa án thông báo về việc chị N có Đơn xin ly hôn, anh T đã không hợp tác, không N và không ký N các văn bản của Tòa. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy báo, các văn bản tố tụng đến anh T mục đích để kiên trì hòa giải, nhưng anh T lại không đến làm việc, hòa giải, khắc phục mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ xác định vợ chồng chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn T có mâu thuẫn, do mâu thuẫn gia đình mà chị N đã mang các con chung bỏ đi và sống ly thân với anh T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có ba con chung là Hoàng Trương Nam K, sinh ngày 07/05/2009, Hoàng Trương Vân Khánh, sinh ngày 25/05/2012, Hoàng Tống Quang K, sinh ngày 10/04/2021.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung do các cháu đang học tập và sinh sống cùng chị N ở xã Trần Phú, huyện M từ đầu năm 2021 đến nay; trong thời gian sống ly thân thì anh T cũng không thăm nom, chăm sóc các con. Anh T làm nghề thợ xây thường xuyên đi làm từ sáng đến tối; không có thời gian chăm sóc các con chung. Cháu Nam K và cháu Vân K đều có nguyện vọng ở với chị N, cháu Quang K, sinh ngày 10/04/2021 dưới 36 tháng tuổi, do đó, để ổn định cuộc sống, học tập, đảm bảo sự phát triển về tâm, sinh lý, thể chất và quan hệ xã hội và theo nguyện vọng của các con chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao ba con chung cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi N sự tự nguyện này, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn T có ba con chung là Hoàng Trương Nam K, sinh ngày 07/05/2009, Hoàng Trương Vân K, sinh ngày 25/05/2012, Hoàng Tống Quang K, sinh ngày 10/04/2021.

Giao ba con chung là: Hoàng Trương Nam K, Hoàng Trương Vân K, Hoàng Tống Quang K cho chị Trương Thị N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Hoàng Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi N sự tự nguyện của chị N không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hoàng Văn T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công sức: không xem xét giải quyết. Về công nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0076359 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M ngày 08/11/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày N được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi N:
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ (Số 22/2008);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiểu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiểu